

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 26 – 4 – 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản, nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí

Bà Võ Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1965.

Địa chỉ cư trú: Số 152B, khóm TĐB, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Chị Phạm Kim T, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Số 106B, khóm TĐB, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT.

Bà Lê Thị P, chị Phạm Kim T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

Ngày 10/12/2018, chị Phạm Kim T có vay của bà Lê Thị P số tiền 37.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng, chị T đã đóng cho bà P tiền lãi là 2.220.000 đồng.

Chị Phạm Kim T có tham gia 03 dây hụi do bà Lê Thị P làm chủ:

+ Dây hụi 1.000.000 đồng, mở hụi ngày 29/01/2018 (Âm lịch), gồm 24 hụi viên, chị T tham gia 03 phần. Chị T đã hốt 03 phần hụi vào các ngày 29/01/2018

với số tiền 13.990.000 đồng, ngày 29/3/2018 với số tiền 16.500.000 đồng và ngày 29/05/2018 với số tiền 16.230.000 đồng, tổng cộng chị T hốt 03 phần hui với số tiền 46.720.000 đồng, chị T đã đóng hui chết được 11 lần, còn nợ lại 13 lần hui chết với số tiền là 39.000.000 đồng.

+ Dây hui 1.000.000 đồng, mở hui ngày 04/7/2018 (Âm lịch), gồm 22 hui viên, chị T tham gia 01 phần. Ngày 04/7/2018, chị T hốt hui với số tiền 14.070.000 đồng, chị T đã đóng hui chết được 07 lần, còn nợ lại 15 lần hui chết với số tiền là 15.000.000 đồng.

+ Dây hui 1.000.000 đồng, mở hui ngày 09/10/2018 (Âm lịch), gồm 08 hui viên, chị T tham gia 01 phần. Ngày 09/11/2018 chị T hốt hui với số tiền 13.200.000 đồng, chị T đã đóng hui chết được 05 lần, còn nợ lại 13 lần hui chết với số tiền là 13.000.000 đồng.

Ngày 30/02/2019, bà Lê Thị P và chị Phạm Kim T đã thống nhất các khoản nợ. Sau khi thống nhất, chị T đã viết Biên nhận nợ với số tiền là 104.000.000 đồng.

Nay bà Lê Thị P yêu cầu bà Phạm Kim T trả cho bà P số tiền vay và hui tổng cộng là 104.000.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn chị Phạm Kim T trình bày:*

Chị Phạm Kim T thống nhất, chị T có vay và nợ tiền hui của bà P. Ngày 30/02/2019, bà Lê Thị P và chị Phạm Kim T đã thống nhất các khoản nợ. Sau khi thống nhất, chị T đã viết Biên nhận nợ với số tiền là 104.000.000 đồng. Hiện nay, chị T gặp khó khăn về kinh tế nên không thể trả cho bà P một lần, chị T có khả năng trả bà P mỗi tháng là 500.000 đồng.

Nay chị Phạm Kim T đồng ý trả cho bà Lê Thị P số tiền vay và hui tổng cộng là 104.000.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu đồng) nhưng yêu cầu mỗi tháng trả số tiền 500.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 30/02/2019 (Bản chính).
- Đơn xin miễn tiền án phí của chị Phạm Kim T (Bản chính).
- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo của chị Phạm Kim T (Bản sao chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh*

chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, nợ hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Kim T cư trú tại khóm TĐA, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Lê Thị P yêu cầu chị Phạm Kim T trả cho bà P số tiền vay và hui tổng cộng là 104.000.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu đồng).

Xét thấy, chị T thừa nhận có ký tên vào Biên nhận ngày 30/02/2019 và nội dung của Biên nhận nêu trên là đúng. Theo đó, chị T có vay của bà P số tiền 37.000.000 đồng và tham gia 03 dây hui do bà P làm chủ gồm: Dây hui 1.000.000 đồng, mở hui ngày 29/01/2018 (Âm lịch), gồm 24 hui viên, chị T tham gia 03 phần, hiện nay chị T còn nợ lại 13 lần hui chết với số tiền là 39.000.000 đồng; Dây hui 1.000.000 đồng, mở hui ngày 04/7/2018 (Âm lịch), gồm 22 hui viên, chị T tham gia 01 phần, hiện nay chị T còn nợ lại 15 lần hui chết với số tiền là 15.000.000 đồng và Dây hui 1.000.000 đồng, mở hui ngày 09/10/2018 (Âm lịch), gồm 08 hui viên, chị T tham gia 01 phần, hiện nay chị T còn nợ lại 13 lần hui chết với số tiền là 13.000.000 đồng.

Chị T xác định sau khi thống nhất các khoản tiền vay và hui với bà P thì chị T có viết và ký tên vào Biên nhận ngày 30/02/2019 với số tiền nợ là 104.000.000 đồng. Chị T xác định việc viết và ký tên vào Biên nhận là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Khi thỏa thuận và thực hiện giao dịch vay tiền, tham gia hui thì bà P và chị T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản và tham gia hui giữa bà P và chị T là phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền và tham gia hui, chị T thừa nhận là bà P đã nhiều lần yêu cầu trả khoản tiền vay và nợ hui nhưng chị T không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định còn nợ bà P số tiền 104.000.000 đồng và chị T không chứng minh được có sự thỏa thuận khác về việc trả khoản tiền vay và nợ hui nêu trên cho bà P. Cho nên, có căn cứ xác định chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay và nợ hui của bà P.

Từ những phân tích trên, bà Lê Thị P yêu cầu chị Phạm Kim T trả cho bà P số tiền vay và hui tổng cộng là 104.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến của chị Phạm Kim T đồng ý trả cho bà Lê Thị P số tiền vay và hui tổng cộng là 104.000.000 đồng, nhưng yêu cầu mỗi tháng trả số tiền 500.000 đồng.

Xét thấy, theo Biên nhận ngày 30/02/2019 không thể hiện là giữa bà P và chị T có thỏa thuận mỗi tháng trả 500.000 đồng khi chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, bà P cũng không đồng ý theo yêu cầu của chị T về việc mỗi tháng

chị T trả cho bà P là 500.000 đồng. Yêu cầu của chị T sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của chị T là không phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Phạm Kim T thuộc diện hộ cận nghèo và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình cấp giấy chứng nhận hộ cận nghèo số 87 874 30130.0390 ngày 01/01/2019. Ngoài ra, chị T có Đơn xin miễn giảm án phí và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Bình xác nhận vào ngày 17/4/2019. Như vậy, chị T thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, yêu cầu được miễn án phí của chị T là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, chị Phạm Kim T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

Buộc chị Phạm Kim T trả cho bà P số tiền vay và hụi tổng cộng là 104.000.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Chị Phạm Kim T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Trả cho Lê Thị Phương số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2017/0009303 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên